

Số: ~~HH~~QĐ-XHNV-QLĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập ngoại ngữ không chuyên và chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 1233/GD-ĐT ngày 30/3/1996 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/8/2016 của ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30/9/2022 của ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-XHNV-ĐT ngày 30/6/2023 của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy định tổ chức giảng dạy, học tập ngoại ngữ không chuyên và chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 309/QĐ-XHNV-QLĐT ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy ngoại ngữ không chuyên và chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM; Quyết định số 642/QĐ-XHNV-ĐT ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM về việc bổ sung một số điều của Quy định tổ chức giảng dạy ngoại ngữ không chuyên và chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Công tác sinh viên, Trường các khoa, Trường các đơn vị có liên quan và sinh viên toàn Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *uut*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HC-TH, QLĐT *h*

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tấn Hạ



QUY ĐỊNH

**Tổ chức giảng dạy, học tập ngoại ngữ không chuyên
và chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và
Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 747/QĐ-XHNV-QLĐT ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức giảng dạy, học tập ngoại ngữ không chuyên và chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ bậc đại học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Trường/Nhà trường, ĐHQG-HCM).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình học tập, tổ chức giảng dạy ngoại ngữ không chuyên và xét công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học. Bao gồm người học thuộc các hệ đào tạo: chương trình chất lượng cao (CLC), chương trình chuẩn quốc tế, chương trình tăng cường tiếng Anh, chương trình chuẩn (CTC), chương trình tài năng (CTTN), văn bằng thứ hai (VB2), văn bằng liên thông từ cao đẳng lên đại học (LT), văn bằng đại học vừa làm vừa học (VLVH).

3. Quy định này quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ áp dụng cho sinh viên Trường từ khóa tuyển sinh 2023 trở đi; quy định tổ chức giảng dạy ngoại ngữ không chuyên đối với sinh viên CTC từ khóa tuyển sinh 2023 trở đi.

Điều 2. Ngoại ngữ dùng xét công nhận chuẩn đầu ra và giảng dạy ngoại ngữ không chuyên

1. Ngoại ngữ dùng xét công nhận chuẩn đầu ra và giảng dạy ngoại ngữ không chuyên tại Trường là một (01) trong chín (09) ngôn ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Ý.



2. Trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo (Bộ GDĐT), Nhà trường sẽ giảng dạy, xét miễn học, miễn thi, xét đạt chuẩn đầu ra tốt nghiệp bậc cử nhân. Các chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết.

3. Thời hạn giá trị của các chứng chỉ ngoại ngữ là 02 năm kể từ ngày cấp đến ngày đăng ký xác nhận đạt chuẩn.

4. Các ngoại ngữ khác được Bộ GDĐT và ĐHQG-HCM quy định và công nhận.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

Điều 3. Môn học ngoại ngữ không chuyên

1. Môn học ngoại ngữ không chuyên là ngoại ngữ khác với ngôn ngữ của chuyên ngành đang học.

2. Môn học ngoại ngữ không chuyên được xem là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với sinh viên CTC.

Điều 4. Tổ chức kiểm tra trình độ và đăng ký học ngoại ngữ

1. Sinh viên không có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu ở khoản 1 Điều 8 của Quy định này sẽ phải bắt buộc tham gia kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ do Phòng Quản lý đào tạo và Trung tâm ngoại ngữ tổ chức sau khi hoàn tất thủ tục nhập học. Sinh viên không tham gia kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ sẽ phải bắt đầu học từ khóa 1 trong lộ trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên của Nhà trường.

Kết quả kiểm tra đầu vào trình độ ngoại ngữ sinh viên chỉ được sử dụng để xác nhận trình độ ngoại ngữ và đăng ký lộ trình học ngoại ngữ không chuyên phù hợp. Kết quả này không được sử dụng đối với việc xét đạt chuẩn ngoại ngữ để công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Nếu sinh viên không tham gia kiểm tra xếp lớp và học tập theo lộ trình học ngoại ngữ không chuyên đối với 4 khóa đầu tại Trung tâm ngoại ngữ, Trường ĐHKHXHNV, ĐHQG-HCM sẽ chỉ được đăng ký tối đa 12 tín chỉ/1 học kỳ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Đối với các ngoại ngữ tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, sinh viên không phải thi xếp lớp và Nhà trường chỉ tổ chức khóa học từ trình độ cơ bản nhất.

Điều 5. Tổ chức giảng dạy và học tập ngoại ngữ không chuyên

Sinh viên chọn một trong các ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này làm môn học ngoại ngữ không chuyên. Việc đăng ký học ngoại ngữ không chuyên được quy định cụ thể như sau:

a) Sinh viên phải đăng ký học ngoại ngữ không chuyên tại Trung tâm Ngoại ngữ của Trường (Cơ sở Thủ Đức);

b) Căn cứ vào kết quả thi xếp lớp, sinh viên được bố trí lớp học ngoại ngữ không chuyên tương ứng với trình độ từ A1 đến B1;

c) Sinh viên bắt buộc tham gia học ngoại ngữ không chuyên theo kết quả thi xếp lớp, tương ứng từ khóa 1 đến khóa 4 (Phụ lục II) trong chương trình ngoại ngữ không chuyên của Trung tâm ngoại ngữ, Trường ĐH KHXHNV, ĐHQG-HCM.

Sinh viên đã có tên trong danh sách học ngoại ngữ không chuyên phải học và tham dự kỳ thi cuối kỳ theo quy định của Trung tâm ngoại ngữ, đạt điểm tối thiểu là 5 điểm theo yêu cầu của khóa học hiện tại mới được đăng ký khóa học tiếp theo, nếu chưa đạt phải học lại khóa đang theo học.

1. Chuẩn tiếng Anh trong quá trình học

a) Sinh viên phải đạt chuẩn ngoại ngữ sau khi kết thúc học kỳ 2, năm thứ 2 để được đăng ký các học phần thuộc chương trình đào tạo năm 3, 4.

Trường hợp không đạt chuẩn ngoại ngữ sau năm 2, sinh viên chỉ được đăng ký các học phần thuộc chương trình đào tạo ở học kỳ I năm 3 tối đa là 12 tín chỉ; trường hợp sau học kỳ I năm 3, sinh viên vẫn không đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định thì không được đăng ký các học phần trong chương trình đào tạo của học kỳ II năm 3 mà chỉ được đăng ký các học phần thuộc chương trình đào tạo năm 1, 2 và các học phần đại cương, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng.

b) Để đạt chuẩn ngoại ngữ sau năm 2, sinh viên cần đáp ứng 1 trong 2 điều kiện sau:

Sinh viên có chứng chỉ tối thiểu trình độ B1 đạt chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

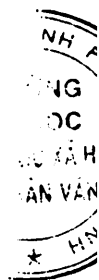
Sinh viên phải có kết quả thi đạt trình độ khóa 4 (tương đương trình độ A2) chương trình ngoại ngữ không chuyên tại Trung tâm ngoại ngữ, Trường ĐH KHXHNV, ĐHQG-HCM.

c) Bảng quy định chuẩn ngoại ngữ lên năm 3 (Phụ lục II).

Điều 6. Điều kiện miễn học ngoại ngữ không chuyên

Sinh viên được miễn học ngoại ngữ không chuyên trong trường hợp:

1. Sinh viên có các chứng chỉ và văn bằng được quy định tại Điều 8 của Quy định này và phải nộp chứng chỉ (bản photo) kèm đơn miễn học theo mẫu tại Phụ lục III.



2. Sinh viên các ngành: Quan hệ quốc tế, Nhật Bản học, Hàn Quốc học; chuyên ngành Úc học, Trung Quốc học, Ấn Độ học (Khoa Đông phương học); ngành chính - phụ Nga - Anh (trừ những sinh viên chỉ học tiếng Nga), Việt Nam học (đối tượng người nước ngoài), sinh viên theo học chương trình song ngữ Việt - Pháp.

3. Nếu trong quá trình học ngoại ngữ không chuyên tại Trung tâm ngoại ngữ, Trường ĐH KH-XHNV, ĐHQG-HCM, sinh viên có văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Điều 8 của Quy định này, sinh viên được miễn học ngoại ngữ không chuyên.

4. Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định.

Chương III

CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Điều 7. Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ

1. Sinh viên tốt nghiệp của Trường phải đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu B1 theo quy định chuẩn đầu ra cụ thể của chương trình đào tạo.

2. Ngành Quan hệ quốc tế, sinh viên đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu là B2. Riêng đối với sinh viên là người nước ngoài học ngành Quan hệ quốc tế đạt tối thiểu trình độ B1.

3. Ngành Hàn Quốc học, Nhật Bản học, chuyên ngành Úc học, Trung Quốc học (ngành Đông phương học) có thể tốt nghiệp bằng chính trình độ đầu ra bậc cử nhân ngôn ngữ mà sinh viên theo học.

4. Đối với các ngành ngôn ngữ (Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Italia), sinh viên phải nộp ngoại ngữ 2 để được công nhận đạt chuẩn.

5. Đối với các chương trình CLC, chuẩn quốc tế, tăng cường tiếng Anh, chuẩn đầu ra căn cứ theo chương trình đào tạo của từng ngành.

6. Đối với chương trình Cử nhân tài năng, chuẩn đầu ra căn cứ theo Đề án của các khoa.

Điều 8. Nộp văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ để xét công nhận đạt chuẩn

Văn bằng, chứng chỉ được sử dụng để công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ

1. Văn bằng

a) Văn bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên trong nước, nước ngoài mà ngành học là một (01) trong chín (09) ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

b) Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên trong nước, nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng toàn phần trong đào tạo là một (01) trong chín (09) ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này không qua phiên dịch, được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng.

2. Chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục I.

3. Thời gian nộp chứng chỉ ngoại ngữ và văn bằng đủ điều kiện để xét công nhận đạt chuẩn về Phòng Quản lý đào tạo vào thời gian tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 8, tháng 10 và tháng 12 hàng năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của sinh viên

Sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Trách nhiệm của Phòng Quản lý đào tạo:

a) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai thực hiện quy định Chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học hệ chính quy đúng lộ trình;

b) Quản lý điểm và công bố điểm kiểm tra, điểm thi theo đúng quy định. Điểm thi mỗi học kỳ của các lớp được gửi về Phòng Quản lý đào tạo lưu và quản lý để xét duyệt đạt chuẩn tham gia những lớp học tiếp theo;

c) Lưu hồ sơ, công bố các trường hợp được miễn học ngoại ngữ không chuyên;

d) Phối hợp với Trung tâm Ngoại ngữ tổ chức kiểm tra đầu vào;

đ) Phối hợp với các khoa để rà soát điều kiện ngoại ngữ lên năm 3 và đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp của sinh viên;

e) Rà soát tính pháp lý, tổ chức xét công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và lưu hồ sơ sinh viên đạt chuẩn để xét tốt nghiệp;

g) Phối hợp với Trung tâm ngoại ngữ thành lập Hội đồng thi, Ban coi thi, chấm thi, ra đề thi, sao in đề thi, thanh tra thi cho mỗi đợt thi kết thúc môn của các ngoại ngữ theo quy định;

h) Hậu kiểm xác minh các chứng chỉ ngoại ngữ và sau đó trình Hiệu trưởng ký Quyết định các chứng chỉ đủ điều kiện tốt nghiệp.

2. Trách nhiệm của Trung tâm Ngoại ngữ

a) Phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo tổ chức thi kiểm tra trình độ ngoại ngữ;



- b) Tổ chức giảng dạy và quản lý chất lượng đảm bảo đúng quy định hiện hành;
- c) Thông báo chương trình, kế hoạch học tập, kế hoạch kiểm tra và thi kịp thời cho sinh viên;
- d) Đề xuất thành lập Hội đồng thi và các Ban hỗ trợ các kỳ thi;
- đ) Tư vấn cho sinh viên về lộ trình học tập ngoại ngữ không chuyên;
- e) Tổ chức kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc môn của các ngoại ngữ;
- g) Công bố kết quả các kỳ thi.

3. Trách nhiệm của Khoa

- a) Phối hợp chặt chẽ với Phòng Quản lý đào tạo và Trung tâm Ngoại ngữ của Trường trong việc quản lý và tổ chức giảng dạy ngoại ngữ không chuyên tại Trường;
- b) Cố vấn học tập của các khoa theo dõi, nhắc nhở, đôn đốc sinh viên học ngoại ngữ không chuyên để đảm bảo đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra bậc đại học đúng quy định và đúng tiến độ;
- c) Ban chủ nhiệm các khoa phổ biến rộng rãi, cụ thể nội dung quy định ngoại ngữ của Nhà trường đến sinh viên;
- d) Giáo vụ và cố vấn học tập của từng khoa nhận chứng chỉ ngoại ngữ, đơn đề nghị miễn học ngoại ngữ không chuyên (Phụ lục III) và chuyển về Phòng Quản lý đào tạo vào thời gian quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Quy định này sẽ được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp. Việc sửa đổi Quy định này do Hiệu trưởng xem xét quyết định. 

Phụ lục I

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
ĐÚNG CHO VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số 747/QĐ-XHNV-QLĐT ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

Stt	Ngoại ngữ	Chứng chỉ/ văn bằng	Trình độ/ thang điểm tương đương bậc 3 (BT)
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	45
		TOEFL ITP	450 - 499
		IELTS	4.5
		Cambridge Assessement English	- B1 Preliminary (PET); - B1 Business Preliminary (BEC); - Linguaskill: 140-159.
		TOEIC	TOEIC (4 kỹ năng) Nghe - Đọc: tối thiểu 450 điểm Nói - Viết: tối thiểu 181 điểm
		Chứng chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và công nhận)	B1 (VSTEP - Bậc 3)
2	Tiếng Pháp	Test de connaissance du français Diplôme d'Études en Langue Française	TCF: 300-399 DELF B1
3	Tiếng Đức	Goeth – Institut/ The German TestDaf language Certificate	TestDaF: B1 (TND 3)
4	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1

5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test	JLPT N4 NAT-TEST N4
6	Tiếng Hàn	Test of Proficiency in Korea	TOPIK2 level 3
7	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi	HSK3
8	Tiếng Ý	PLIDA	PLIDA B1 (điểm tối đa mỗi kỹ năng là 30, đạt tối thiểu 18/30 cho 4 kỹ năng). Tổng điểm tối thiểu là 72/120.
9	Tiếng Tây Ban Nha	DELE B1	DELE B1

Danh mục các kỳ thi có thể được sử dụng trong điều kiện giãn cách xã hội do dịch bệnh hoặc thiên tai kéo dài:

Stt	Ngoại ngữ	Chứng chỉ/ văn bằng	Trình độ/ thang điểm	
			KNLNNVN	CEFR
1	Tiếng Anh	IELTS Indicator TOEFL iBT Home Edition VPET	Bậc 3	B1

Chữ ký



Phụ lục II

LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 747/QĐ-XHNV-QLĐT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

Khung NLNN 6 Bậc dành cho Việt Nam		Bậc 1		Bậc 2		Bậc 3			Bậc 4	
Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)		A1		A2		B1			B2	
STT	Ngoại ngữ	Khoá 1	Khoá 2	Khoá 3	Khoá 4	Khoá 5	Khoá 6	Khoá bổ trợ & thi Bậc 3	Khoá 7	Khoá 8
1	Tiếng Anh	E1 (60 tiết)	E2 (60 tiết)	E3 (60 tiết)	E4 (60 tiết)	E5 VSTEP (60 tiết)	E6 VSTEP (60 tiết)	Ôn thi VSTEP bậc 3 (B1)	E7 VSTEP (60 tiết)	E8 VSTEP (60 tiết)
						E5 TOEIC (60 tiết)	E6 TOEIC (60 tiết)	Ôn thi TOEIC 275 (L-R), 120 (S-W)	E7 TOEIC (60 tiết)	E8 TOEIC (60 tiết)
						E5 IELTS (60 tiết)	E6 IELTS (60 tiết)	Ôn thi IELTS 4.0-5.0	E7 IELTS (60 tiết)	E8 IELTS (60 tiết)
2	Tiếng Trung	HSK1.1 (60 tiết)	HSK1.2 (60 tiết)	HSK2.1 (60 tiết)	HSK2.2 (60 tiết)	HSK3.1 (60 tiết)	HSK3.2 (60 tiết)	Ôn thi HSK3	HSK4.1 (60 tiết)	HSK4.2 (60 tiết)
3	Tiếng Nhật	N5.1 (80 tiết)	N5.2 (80 tiết)	N4.1 (80 tiết)	N4.2 (80 tiết)	N3.1 (80 tiết)	N3.2 (80 tiết)	Ôn thi JLPT N4	N2.1 (80 tiết)	N2.2 (80 tiết)
4	Tiếng Hàn	TK1.1 (80 tiết)	TK1.2 (80 tiết)	TK2.1 (80 tiết)	TK2.2 (80 tiết)	TK3.1 (80 tiết)	TK3.2 (80 tiết)	Ôn thi TOPIK3	TK4.1 (80 tiết)	TK4.2 (80 tiết)
5	Tiếng Pháp	F1.1 (80 tiết)	F1.2 (80 tiết)	F2.1 (80 tiết)	F2.2 (80 tiết)	F3.1 (80 tiết)	F3.2 (80 tiết)	Ôn thi DELF B1	F4.1 (80 tiết)	F4.2 (80 tiết)
6	Tiếng Đức	G1.1 (80 tiết)	G1.2 (80 tiết)	G2.1 (80 tiết)	G2.2 (80 tiết)	G3.1 (80 tiết)	G3.2 (80 tiết)	Ôn thi ZD B1	G4.1 (80 tiết)	G4.2 (80 tiết)
7	Tiếng Ý	I1.1 (60 tiết)	I1.2 (60 tiết)	I2.1 (60 tiết)	I2.2 (60 tiết)	I3.1 (60 tiết)	I3.2 (60 tiết)	Ôn thi Plida B1	I4.1 (60 tiết)	I4.2 (60 tiết)
8	Tiếng Tây Ban Nha	S1.1 (80 tiết)	S1.2 (80 tiết)	S2.1 (80 tiết)	S2.2 (80 tiết)	S3.1 (80 tiết)	S3.2 (80 tiết)	Ôn thi DELE B1	S4.1 (80 tiết)	S4.2 (80 tiết)
9	Tiếng Nga	R1.1 (80 tiết)	R1.2 (80 tiết)	R2.1 (80 tiết)	R2.2 (80 tiết)	R3.1 (80 tiết)	R3.2 (80 tiết)	Ôn thi TRKI 1	R4.1 (80 tiết)	R4.2 (80 tiết)

Phụ lục III

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN HỌC NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 747/QĐ-XHNV-QLĐT ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN HỌC NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

Họ và tên: Ngày sinh:

MSSV: Ngành học:

Điện thoại: Email:

Căn cứ tại Điều 6 về “Điều kiện miễn học ngoại ngữ không chuyên” của Quy định tổ chức giảng dạy ngoại ngữ không chuyên và chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Tôi làm đơn này đề nghị được miễn học ngoại ngữ không chuyên tại Trường.

Hồ sơ gửi kèm:

1. Bằng tốt nghiệp Đại học các ngành ngoại ngữ:

Trường: Ngành:

Năm cấp bằng:

Hoặc:

2. Chứng chỉ ngoại ngữ (còn hiệu lực 02 năm kể từ ngày cấp)

Tên chứng chỉ: Kết quả:

Ngày/tháng/năm cấp: Nơi cấp:

Tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Nhà trường về việc miễn học ngoại ngữ không chuyên.

Trân trọng cảm ơn!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20... 

NGƯỜI NHẬN ĐƠN

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)